

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN- Bổ sung
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán quản trị		
Mã học phần:	233_71ACCT30053	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_71ACCT30053-01,02,03		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu: (giấy và file đã down về máy)</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Hình thức làm tự luận : Gõ trực tiếp vào ô trả lời hoặc đính kèm file word, excel (không đính kèm hình ảnh)

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Phân loại được các loại chi phí trong doanh nghiệp theo hướng kế toán quản trị nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định kế toán quản trị	Trắc Nghiệm	20%	Câu 1,2,3,4,5	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.1
CLO2	Vận dụng các kỹ thuật kế toán quản trị vào việc tính giá thành, lập kế hoạch, kiểm soát và ra quyết định	Trắc Nghiệm	20%	Câu 6,7,8,9,10	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.1A
		Tự luận	10%	Câu 16	1 điểm	PI3.1A
			10%	Câu 17	1 điểm	PI3.1A
CLO3	Sử dụng các báo cáo quản trị: báo cáo số dư đảm phí, báo cáo về dự toán ngân sách, báo cáo phân tích biến động chi phí ... phục	Trắc Nghiệm	20%	Câu 11,12,13,14, 15	0.4đ/câu (tổng điểm 5 câu là 2 điểm)	PI3.2A

	vụ cho việc đánh giá và ra quyết định cho doanh nghiệp một cách độc lập.	Tự luận	10%	Câu 18	1 điểm	PI3.2A
			10%	Câu 19	1 điểm	PI3.2A

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM 15 câu (6 điểm- 0.4 điểm/câu)

Câu 1- random 1 trong 2 câu

Có số liệu dưới đây của doanh nghiệp cơ khí Kim Thành.

Tháng	Nguyên liệu đồng (Tấn)	Chi phí động lực (ĐVT: 1.000Đ)
1	35	16.000
2	30	12.800
3	25	13.000
4	20	9.600
5	40	18.000
6	30	14.000

Phương trình chi phí động lực theo phương pháp cực đại - cực tiểu là bao nhiêu

- A. $Y = 420X + 1.200$
- B. $Y = 446X + 1.250$
- C. $Y = 436X + 1.570$
- D. $Y = 456X + 1.360$

ANSWER: A

Có số liệu dưới đây của doanh nghiệp cơ khí Kim Thành.

Tháng	Nguyên liệu đồng (Tấn)	Chi phí động lực (ĐVT: 1.000Đ)
1	50	20.000
2	65	24.000
3	60	22.400
4	35	16.000
5	30	12.800
6	25	13.000

Phương trình chi phí động lực theo phương pháp cực đại - cực tiểu là bao nhiêu

- A. $Y = 275X + 6.125$
- B. $Y = 246X + 5.250$
- C. $Y = 256X + 5.360$
- D. $Y = 236X + 5.570$

ANSWER: A

Câu 2: random 1 trong 2 câu

Khoản chi phí nào dưới đây không phải là chi phí trực tiếp:

- A. Chi phí thuê phân xưởng và bảo hiểm
- B. Tiền lương và phụ cấp lương trả cho lao động trực tiếp.
- C. Các khoản trích theo lương của lao động trực tiếp.
- D. Chi phí nguyên liệu trực tiếp.

ANSWER: A

Chi phí thời kỳ là:

- A. Chi phí được tính trừ ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chúng phát sinh.
- B. Chi phí luôn luôn được tính thẳng vào sản phẩm.
- C. Chi phí bao gồm cả chi phí nhân công trực tiếp.
- D. Chi phí được phép kết chuyển sang kỳ sau và tính trừ vào kết quả hoạt động kinh doanh kỳ sau.

ANSWER: A

Câu 3: random 1 trong 2 câu

Trong kế toán quản trị, chi phí được phân loại trên cơ sở:

- A. Linh hoạt theo từng tình huống nhà quản trị xem xét
- B. Nhu cầu sử dụng thông tin của nhà quản trị
- C. Mục đích sử dụng thông tin của nhà quản trị
- D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Câu nào trong các câu đười đây về chi phí gián tiếp là sai

- A. Chi phí gián tiếp thực ra là một phân nhóm của chi phí trực tiếp
- B. Chi phí gián tiếp được hiểu là các chi phí liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí.
- C. Chi phí gián tiếp không thể tính trực tiếp vào các đối tượng chịu chi phí
- D. Chi phí gián tiếp có quan hệ gián tiếp với đối tượng tập hợp chi phí.

ANSWER: A

Câu 4: random 1 trong 2 câu

Tại phân xưởng H sản xuất nhiều loại sản phẩm, các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có mã số PT97-98 như sau:

(đvt: 1.000 đồng)

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	230
Chi phí nhân công trực tiếp	120
Chi phí sản xuất chung	460
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	190

Vậy chi phí sản xuất gián tiếp đối với sản phẩm PT97-98 là:

- A. 650.000 đồng
- B. 540.000 đồng
- C. 1.000.000 đồng
- D. 460.000 đồng

ANSWER: A

Tại phân xưởng H sản xuất nhiều loại sản phẩm, các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có mã số PT97-98 như sau:

đvt: 1.000 đồng)

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	230
Chi phí nhân công trực tiếp	120
Chi phí sản xuất chung	460
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	190

Vậy chi phí ngoài sản xuất của sản phẩm PT97-98 là:

- A. 190.000 đồng
- B. 610.000 đồng

C. 540.000 đồng

D. 650.000 đồng

ANSWER: A

Câu 5: random 1 trong 2 câu

Doanh nghiệp X trong kỳ phát sinh các loại chi phí sau. Hãy xác định xem chi phí nào là định phí

A. Chi phí lương cơ bản công nhân nhà máy sản xuất

B. Chi phí điện dùng chạy máy trong nhà máy sản xuất

C. Chi phí nguyên liệu để sản xuất sản phẩm

D. Chi phí bảo trì máy móc sản xuất

ANSWER: A

Loại chi phí nào dưới đây không thay đổi theo cùng tỷ lệ với sự thay đổi của mức độ hoạt động trong phạm vi phù hợp:

A. Định phí

B. Chi phí hỗn hợp

C. Biến phí cấp bậc

D. Tất cả các loại trên

ANSWER: A

Câu 6: random 1 trong 2 câu

4.000 tấn nguyên liệu đã được đưa vào quy trình vào tháng 1 với chi phí 37.000 USD. Sản lượng thành phẩm là 3.500 tấn. Mức tổn thất thông thường trong quy trình này là 10% trọng lượng đầu vào và chất thải được xác định ở cuối quy trình có thể được bán với giá 5 USD/tấn.

Tổn thất tăng/giảm bất thường (tính bằng tấn) là bao nhiêu?

A. Tăng 100 tấn

B. Giảm 100 tấn

C. Giảm 200 tấn

D. Tăng 200 tấn

ANSWER: A

8.000 tấn nguyên liệu đã được đưa vào quy trình vào tháng 1 với chi phí 72.000 USD. Sản lượng thành phẩm là 6.700 tấn. Mức tổn thất thông thường trong quy trình này là 12% trọng lượng đầu vào và chất thải được xác định ở cuối quy trình có thể được bán với giá 7 USD/tấn.

Tổn thất tăng/giảm bất thường (tính bằng tấn) là bao nhiêu?

A. Tăng 340 tấn

B. Giảm 340 tấn

C. Giảm 960 tấn

D. Tăng 960 tấn

ANSWER: A

Câu 7 random 1 trong 2 câu

Khi tính giá thành dịch vụ giáo dục, đơn vị chi phí phù hợp để có thể tính giá thành dịch vụ này là

A. Tính theo số học sinh học toàn thời gian

B. Tính theo từng bữa ăn được phục vụ

C. Tính theo số phụ huynh ghé trường học

D. Tính theo số đêm khách ngủ lại

ANSWER: A

Khi tính giá thành dịch vụ vận chuyển hàng hóa, đơn vị chi phí phù hợp để có thể tính giá thành dịch vụ này là

- A. Tính trên kg.km vận chuyển hàng hóa
- B. Tính trên kg vận chuyển
- C. Tính trên km vận chuyển
- D. Tính theo số khách đến đăng ký vận chuyển

ANSWER: A

Câu 8 random 1 trong 2 câu

Cho số liệu sản xuất tại Doanh nghiệp X như sau

Nguyên vật liệu: 2kg, \$7/kg

Nhân công: 3 giờ, \$5/giờ

Giờ chạy máy 1 giờ, \$8/giờ

Giá bán \$55/sản phẩm

Biến phí bán hàng là \$0.5/sp

Định phí sản xuất chung là \$14,000 tính cho 11,200 sản phẩm.

Tính chi phí sản xuất đơn vị sản phẩm, biết Doanh nghiệp X dùng phương thức giá thành đầy đủ

A. \$ 38,25

B. \$ 55

C. \$ 37

D. \$ 32.9

ANSWER: A

Cho số liệu sản xuất tại Doanh nghiệp X như sau

Nguyên vật liệu: 5kg, \$7/kg

Nhân công: 3 giờ, \$5/giờ

Giờ chạy máy 2 giờ, \$8/giờ

Giá bán \$95/sản phẩm

Biến phí bán hàng là \$0.5/sp

Định phí sản xuất chung là \$21,000 tính cho 15,000 sản phẩm.

Tính chi phí sản xuất đơn vị sản phẩm, biết Doanh nghiệp X dùng phương thức giá thành đầy đủ

A. \$ 67,4

B. \$ 95

C. \$ 66

D. \$ 50

ANSWER: A

Câu 9 random 1 trong 2 câu

Công ty X có số liệu như sau

Biến phí đơn vị: 90.000 đồng/sản phẩm

Định phí 150.000.000 đồng

Giá bán 150.000 đồng

Hãy tính Doanh thu hòa vốn của Cty X

A. 375.000.000 đồng

- B. 180.000.000 đồng
- C. 225.000.000 đồng
- D. 600.000.000 đồng

ANSWER: A

Công ty X có số liệu như sau

Biến phí đơn vị: 50.000 đồng/sản phẩm

Định phí 300.000.000 đồng

Giá bán 100.000 đồng

Hãy tính Doanh thu hòa vốn của Cty X

- A. 600.000.000 đồng
- B. 300.000.000 đồng
- C. 180.000.000 đồng
- D. 375.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 10 random 1 trong 2 câu

Dự kiến tổng lượng thời gian cần thiết để hoàn thành khối lượng sản phẩm SX và đơn giá thời gian lao động trực tiếp phù hợp với tên gọi của Dự toán nào

- A. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp
- B. Dự toán tiêu thụ
- C. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp
- D. Dự toán sản xuất

ANSWER: A

Ước tính các khoản chi phí sẽ phát sinh trong quá trình tiêu thụ và quản lý chung toàn doanh nghiệp phù hợp với tên gọi của Dự toán nào

- A. Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- B. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp
- C. Dự toán nguyên vật liệu trực tiếp
- D. Dự toán chi phí sản xuất chung

ANSWER: A

Câu 11 random 1 trong 2 câu

Giả sử doanh nghiệp X căn cứ vào tình hình tiêu thụ sản phẩm A kỳ trước, những ảnh hưởng của thị trường và nhu cầu tiêu dùng năm kế hoạch. Cty X có kế hoạch tiêu thụ sản phẩm A như sau: quý I 40.000 sản phẩm, quý sau tăng hơn quý trước 20%.

Giả sử DN X dự toán hàng tồn kho cuối kỳ này xác định bằng 20% sản lượng tiêu thụ kỳ sau. Sản lượng tồn kho cuối năm trước là 12.000 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ quý I năm sau là 35.000 sản phẩm.

Số lượng sản phẩm cần sản xuất quý IV là bao nhiêu

- A. 62.296
- B. 61.296
- C. 60.296
- D. 63.296

ANSWER: A

Giả sử doanh nghiệp X căn cứ vào tình hình tiêu thụ sản phẩm A kỳ trước, những ảnh hưởng của thị trường và nhu cầu tiêu dùng năm kế hoạch. Cty X có kế hoạch tiêu thụ sản phẩm A như sau: quý I 30.000 sản phẩm, quý sau tăng hơn quý trước 30%.

Giả sử DN X dự toán hàng tồn kho cuối kỳ này xác định bằng 20% sản lượng tiêu thụ kỳ sau. Sản lượng tồn kho cuối năm trước là 15.000 sản phẩm. Sản lượng tiêu thụ quý I năm sau là 35.000 sản phẩm.

Số lượng sản phẩm cần sản xuất quý IV là bao nhiêu

- A. 59.728
- B. 60.728
- C. 58.728
- D. 61.728

ANSWER: A

Câu 12 random 1 trong 2 câu

Việc thiết lập các định mức:

- A. Do ban giám đốc quyết định
- B. Do kế toán quản trị quyết định.
- C. Do người lao động quyết định.
- D. Tốt nhất là đặt ở mức hiệu suất lý tưởng

ANSWER: A

Chi phí sản xuất định mức được xây dựng theo:

- A. 2 tiêu thức (yếu tố)
- B. 3 tiêu thức (yếu tố)
- C. 4 tiêu thức (yếu tố)
- D. 5 tiêu thức (yếu tố)

ANSWER: A

Câu 13 random 1 trong 2 câu

Để sản xuất sản phẩm A, 5.000 kg nguyên liệu trực tiếp đã được sử dụng với chi phí 8.000 đồng mỗi kg. Theo định mức số nguyên vật liệu cần là 4.800 kg với định mức giá 8.200 đồng mỗi kg. Chênh lệch của lượng của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là:

- A. Bất lợi 1.640.000 đồng
- B. Bất lợi 1.600.000 đồng
- C. Thuận lợi 1.640.000 đồng
- D. Thuận lợi 1.600.000 đồng

ANSWER: A

Để sản xuất sản phẩm A, 5.000 kg nguyên liệu trực tiếp đã được sử dụng với chi phí 8.000 đồng mỗi kg. Theo định mức số nguyên vật liệu cần là 4.800 kg với định mức giá 8.200 đồng mỗi kg. Chênh lệch của giá của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là:

- A. Thuận lợi 1.000.000 đồng
- B. Bất lợi 1.000.000 đồng
- C. Thuận lợi 960.000 đồng
- D. Bất lợi 960.000 đồng

ANSWER: A

Câu 14 random 1 trong 2 câu

Công ty J có tài liệu sau:

Đvt: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Sản phẩm X	Sản phẩm Y
Giá bán	300	500
Biến phí đơn vị	100	140
Giờ máy sản xuất 1 sản phẩm	20	40
Năng lực tiêu thụ tối đa 1 năm	4.000	2.500
Giờ máy giới hạn 1 năm: 100.000 giờ		

Để đạt hiệu suất cao nhất, công ty sẽ sản xuất và tiêu thụ.

- A. 4.000 X và 500 Y,
- B. 4.000 X và 1.000 Y.
- C. 4.000 X và 1.250 Y.
- D. 4.000 X và 1.500Y.

ANSWER: A

Công ty J có tài liệu sau:

Đvt: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Sản phẩm X	Sản phẩm Y
Giá bán	250	400
Biến phí đơn vị	100	140
Giờ máy sản xuất 1 sản phẩm	10	20
Năng lực tiêu thụ tối đa 1 năm	5.000	3.000
Giờ máy giới hạn 1 năm: 100.000 giờ		

Để đạt hiệu suất cao nhất, công ty sẽ sản xuất và tiêu thụ.

- A. 5.000 X và 2.500 Y.
- B. 5.000 X và 1.000 Y.
- C. 5.000 X và 2.000 Y.
- D. 5.000 X và 1.500Y.

ANSWER: A

Câu 15 random 1 trong 2 câu

Thông tin không thích hợp phục vụ cho việc ra quyết định "có thay thế một trang thiết bị hay không" là:

- A. Giá bán trang thiết bị cũ.
- B. Chi phí mua trang thiết bị cũ lúc ban đầu.
- C. Giá mua trang thiết bị mới.
- D. Doanh thu chênh lệch giữa hai phương án sử dụng thiết bị mới và thiết bị cũ.

ANSWER: A

Câu 15c.

Để tiếp tục kinh doanh hay ngừng kinh doanh một bộ phận, thông tin thích hợp là:

- A. Số dư bộ phận lớn hơn không và doanh nghiệp không có phương án kinh doanh thay thế.
- B. Số dư bộ phận lớn hơn không.
- C. Phương án kinh doanh thay thế có số dư bộ phận lớn hơn phương án kinh doanh đang thua lỗ.

D. Tất cả các câu trên đều đúng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 16- 1 điểm

Một công ty sản xuất một sản phẩm duy nhất và có các thông tin như sau:

- + Định phí là \$30,000 mỗi tháng,
- + Biến phí/sp là \$10/sản phẩm
- + Giá bán là \$15/sản phẩm,
- + Hiện tại công ty bán được 10.000 sản phẩm

Yêu cầu

1. Tính sản lượng hòa vốn và doanh thu hòa vốn của công ty. (0.5 điểm)
2. Hãy tính lợi nhuận của công ty hiện nay? (0.5 điểm)

Câu 17- 1 điểm

Doanh nghiệp Lena kinh doanh sản phẩm X, dự kiến tình hình tiêu thụ và thu tiền năm N như sau:

Nhu cầu tiêu thụ:

Chỉ tiêu	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm	Giá bán
SP X	10.000	30.000	40.000	25.000	105.000	50.000 đồng/sp

Tình hình thu tiền:

- 25% doanh thu được thu ngay trong quý, 75% doanh thu được thu ở quý sau
- Nợ phải thu quý 4/N-1 của sản phẩm X: 200.000.000 đồng

Tình hình sản xuất

- Biết rằng cuối mỗi quý, Doanh nghiệp muốn số lượng tồn kho bằng 20% sản lượng tiêu thụ của quý sau.
- Sản lượng tiêu thụ quý 1 năm sau là 50.000 sản phẩm

Yêu cầu:

1. Lập dự toán tiêu thụ của sản phẩm X năm N (0.5 điểm)
2. Lập dự toán sản xuất của sản phẩm X năm N (0.5 điểm)

Câu 18- 1 điểm

Tại Công ty Hoa Lan, có tài liệu về định mức chi phí sản xuất 1 đơn vị sản phẩm như sau (đvt: đồng)

Khoản mục chi phí	Định mức lượng	Định mức giá
Nguyên vật liệu trực tiếp	4 kg	2.500

Trong kỳ, công ty đã sản xuất được 1.000 sản phẩm. Các số liệu thực tế của quá trình dự trữ và sản xuất sản phẩm được ghi nhận như sau:

Vật liệu mua về: 8.000 kg để sử dụng sản xuất trong kỳ với giá 2.400 đồng/kg.

Vật liệu tồn kho cuối kỳ: 3.500 kg.

Yêu cầu:

1. Phân tích biến động về giá của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (0,5 điểm)
2. Phân tích biến động về và lượng của chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (0,5 điểm)

Câu 19- 1 điểm

Có tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất và tiêu thụ trong năm trước của công ty X như sau (ĐVT: 1.000 đồng):

Năng lực sản xuất tối đa: 90.000 sản phẩm

Số lượng sản phẩm tiêu thụ: 60.000 sản phẩm

Giá bán 1 sản phẩm: 3.2

Chi phí sản xuất 1 đơn vị sản phẩm: 2,65. Trong đó:

+ Nguyên vật liệu trực tiếp: 1,00

+ Nhân công trực tiếp: 0,45

+ Biến phí sản xuất chung: 0,23

+ Định phí sản xuất chung: 0,50 (30.000)

+ Biến phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp: 0,12

+ Định phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp: 0,35 (21.000)

Yêu cầu:

Năm nay, do nguồn nguyên liệu gặp khó khăn nên công ty chỉ có thể tiếp tục sản xuất trong vòng 2 tháng, với mức hoạt động bằng 30% của năm trước. Nếu ngừng sản xuất thì định phí sản xuất chung giảm 40% và định phí bán hàng giảm 20% so với năm trước. Hãy cho biết công ty nên tiếp tục sản xuất hay ngừng sản xuất trong 2 tháng này.

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú												
I. Trắc nghiệm		6.0													
Câu 1 – 15		0.4/câu													
II. Tự luận		4.0													
Câu 16		1.0													
Nội dung 1.	<p>Tính sản lượng hòa vốn và doanh thu hòa</p> <p>- Sản lượng hòa vốn = Tổng định phí / (giá bán đơn vị - biến phí đơn vị) = $30.000 / (15 - 10) = 6.000$ sản phẩm (0.25đ)</p> <p>- Doanh thu hòa vốn = sản lượng hòa vốn * giá bán = $6000 * 15 = 90.000$. (0.25đ)</p>	0.5													
Nội dung 2	<p>Lợi nhuận = Tổng số dư đảm phí – định phí = $(15-10) * 10.000 - 30.000 = 20.000$</p>	0.5													
Câu 17		1.0													
Nội dung 1	<p>Dự toán doanh thu</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Quý 1</th> <th>Quý 2</th> <th>Quý 3</th> <th>Quý 4</th> <th>Cả năm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Sản lượng bán</td> <td>10,000</td> <td>30,000</td> <td>40,000</td> <td>25,000</td> <td>105,000</td> </tr> </tbody> </table>		Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm	Sản lượng bán	10,000	30,000	40,000	25,000	105,000	0.5	
	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4	Cả năm										
Sản lượng bán	10,000	30,000	40,000	25,000	105,000										

	Giá bán	50	50	50	50	50			
	Doanh thu	500,000 (0.125đ)	1,500,000 (0.125đ)	2,000,000 (0.125đ)	1,250,000 (0.125đ)	5,250,000 (0.125đ)			
Nội dung 2	Dự toán sản xuất của sản phẩm X năm N						0.5		
	Chi tiêu	Quý				Cả năm			
		I	II	III	IV				
	1.Số lượng SP tiêu thụ (SP)	10.000	30.000	40.000	25.000	105.000			
	2.Lượng SP tiêu thụ tồn kho cuối kỳ(SP)	6.000	8.000	5.000	10.000	10.000			
	3. Lượng SP tồn kho đầu kỳ (SP)	2.000	6.000	8.000	5.000	2.000			
4. Lượng SP cần sản xuất (SP)	14.000 (0.125đ)	32.000 (0.125đ)	37.000 (0.125đ)	30.000 (0.125đ)	113.000				
Câu 18							1		
Nội dung 1	Biến động về giá chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Giá thực tế - giá định mức)*lượng thực tế mua = (2400-2500)*8000=-800.000đ (có lợi)						0.5		
Nội dung 2	Biến động về lượng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (Lượng thực tế dùng - lượng định mức)*giá định mức =(4500-4*1000)*2500=1.250.000đ (Bất lợi) Trong đó lượng thực tế dùng= 8000-3500=4500 kg						0.5		
Câu 19							1		
Nội dung 1	Sản lượng tiêu thụ trong 2 tháng: $(60.000/12) * 2 * 30\%=3.000$ SP								
	Định phí sản xuất chung trong 2 tháng:								
	+ Nếu tiếp tục sản xuất: $(30.000.000/ 12) * 2 = 5.000.000$								
	Nếu ngưng sản xuất: $(30.000.000/ 12) * 2 * 60\%= 3.000.000đ$								
	Định phí bán hàng và QLDN:								
	+ Nếu sản xuất: $(21.000.000/ 12) * 2 = 3.500.000$								
	+ Nếu ngưng sản xuất: $(21.000.000/ 12) * 2 * 80\%= 2.800.000đ$								
	Căn cứ vào số liệu trên ta lập bảng BCKQKD trong 2 tháng:								
	Chi tiêu	PA 1: Tiếp tục SX	PA 2: Ngưng SX						
	1. Doanh thu $(3.000 * 3.200)$	9.600.000							
2. Biến phí $(3.000 * 1.800)$	5.400.000								
3. Số dư đảm phí	4.200.000								
4. Định phí	8.500.000	5.800.000							
-SXC	5.000.000	3.000.000							
- Bán hàng và QLDN	3.500.000	2.800.000							
5. Lợi nhuận	(4.300.000)	(5.800.000)							

		0.5đ	0.5đ			
	Kết luận: DN nên tiếp tục sản xuất vì sẽ giảm lỗ là 1.500.000 đồng					
				Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

TS. Lê Phan Thanh Hòa

Ths. Lê Như Hoa
Ths. Huỳnh Đăng Thành